TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:03/2019/QĐPT-VDS	*Sóc Trăng, ngày 01 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Thái Rết

Các Thẩm phán: 1. Ông Phạm Hùng Nuôi

2. Ông Nguyễn Văn Toàn

***- Thư ký phiên họp*:** Ông Nguyễn Văn Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên họp: Bà Trần Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng mở phiên họp công khai việc dân sự thụ lý số **125**/2019/TLPT-VDS, ngày 04/9/2019 về việc*"Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phần chia tài sản chung để thi hành án"*.

Do Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2019/QĐST-VDS, ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 189/2019/QĐPT-VDS ngày 09 tháng 9 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà **A**, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.(có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông **NLQ 1**, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông **NLQ 2**, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Bà **NLQ 3**, sinh năm 2005. Địa chỉ: ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Bà **NLQ 4**, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Bà **NLQ 5**, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp A2, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng(vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền bà NLQ 5: Ông **D**, sinh năm 1984.(có mặt)

Địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo*: Bà A, là người yêu cầu giải quyết việc dân sự.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung việc dân sự được tóm tắc như sau*:*

- *Người yêu cầu bà A trình bày*:

Bà là người phải thi hành án theo quyết định thi hành án số 182/QĐ-CCTHADS và Quyết định thi hành án số 184 cùng ngày 09/01/2018 và của Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Vào ngày 11/4/2018 bà nhận được thông báo số 129/TB-THADS của Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự thị xã N, thông báo về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản thi hành án. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm: Thửa đất 320, tờ bản đồ số 07, diện tích 5.747 m^2, tọa lạc ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/6/2007; Thửa đất 821, tờ bản đồ số 07, diện tích 5.490 m^2, tọa lạc ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/6/2007 và thửa đất 640, tờ bản đồ số 07, diện tích 364 m^2, tọa lạc ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/3/2008 (hiện có cất nhà kiên cố trên phần đất này). Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Quyền sử dụng tại thửa đất 320, tờ bản đồ số 07, diện tích 5.747 m^2, tọa lạc ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/6/2007. Yêu cầu phân chia cho bà được ¼ tổng diện tích (tức 1.436m^2);

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất 821, tờ bản đồ số 07, diện tích 5.490 m^2, tọa lạc ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Quới, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/6/2007 bà yêu cầu phân chia cho bà ¼ tổng diện tích (tức là 1.372 m^2)

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất 640, tờ bản đồ số 07, diện tích 364 m^2, tọa lạc ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Quới, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/3/2008, hiện tại đã cất nhà ở kiên cố trên toàn bộ thửa đất này, giá trị thửa đất và nhà ở là 300.000.000 đồng, bà yêu cầu phân chia cho bà ¼ giá trị tài sản (tức là 75.000.000 đồng);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ 5 trình bày:*

Đối với yêu cầu chia nhà và đất theo tỷ lệ ¼ của bà A thì bà không đồng ý, bởi vì các thửa đất và nhà gắn liền với thửa đất 640 theo như yêu cầu của bà A đều là do bà A, ông NLQ 1 tạo lập nên, các con của ông, bà thời điểm này còn nhỏ không có công sức đóng góp gì vào các tài sản này, đồng thời tài sản này đã được Chi cục thi

hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng kê biên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bà, nên việc bà A yêu cầu phân chia các tài sản này là không có cơ sở. Bà A chỉ muốn kéo dài không muốn thi hành nghĩa vụ trả nợ cho bà.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã N, thụ lý giải quyết như sau:

- Căn cứ khoản 9 Điều 27; điểm a, khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39 và Điều 149; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 212 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 34 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu phân chia ¼ (tức 1.372 m^2) diện tích đất thửa 821; không chấp nhận yêu cầu phân chia ¼ (tức 1.372 m^2) diện tích đất thửa 320; cùng tờ bản đồ số 7, cùng tọa lạc ấp V, xã Q, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng của bà A và không chấp nhận yêu cầu phân chia ¼ (tức 75.000.000 đồng) giá trị đất và nhà trên thửa đất 640 tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp V, xã Q, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng của bà A

Ngoài ra quyết định toàn tuyên về lệ phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 15/8/2019 bà A có đơn kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự nêu trên, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu việc dân sự của nguyên đơn.

* Tại phiên họp phúc thẩm, người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà A không rút đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết việc dân sự.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên họp phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà A, giữ nguyên Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Nội dung giải quyết việc dân sự: Bà A là người phải Thi hành án theo quyết định thi hành án số 182/QĐ-CCTHADS và Quyết định thi hành án số 184 cùng ngày 09/01/2018 của Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự thị xã N, đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2018/DS-ST, ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã N và Bản án số 48/2019/DS-PT, ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Do bà A có đứng tên trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất 320; Thửa đất 821 và thửa đất 640 cùng tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh

Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện N (nay thị xã N) cấp cho hộ ông NLQ 1 và bà A. Do các thửa đất này được cấp cho hộ gia đình ông NLQ 1 và bà A và hiện nay chưa được phân chia, nên bà A yêu cầu Tòa án phân chia phần quyền sử dụng đất của bà để bà Thi hành án. Do hộ gia đình bà A gồm có chồng là ông NLQ 1, vợ là bà A và 02 con là NLQ 2, NLQ 3, nên bà yêu cầu Tòa án phân chia 03 thửa đất và căn nhà này thành 04 phần bằng nhau.

[2] Xét kháng cáo của bà A thì thấy,

[2.1] Đới với thửa đất số 320, diện tích 5.747m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 116170 do UBND huyện N (nay là thị xã N) cấp cho hộ ông NLQ 1 và bà A ngày 12/6/2007 và thửa đất số 640, diện tích 364m^2, hai thửa đất cùng tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Đối với hai phần đất này bà A yêu cầu Tòa án phân chia cho bà được nhận ¼ diện tích đất. Nhận thấy, đối với phần đất tại thửa 320 có nguồn gốc là của ông NLQ 1 và bà A nhận chuyển nhượng của ông O và bà P vào ngày 11/5/2007; Đối với phần đất thửa 640 có nguồn gốc là của ông NLQ 1 và bà A nhận chuyển nhượng của ông Y vào ngày 29/12/2007. Xét thấy, tại thời điểm năm 2007, thông qua sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh và Giấy chứng minh nhân dân của NLQ 2 và NLQ 3 do bà A cung cấp, thể hiện thời điểm chuyển nhượng NLQ 2 mới 07 tuổi còn NLQ 3 mới hơn 02 tuổi, sống còn phụ thuộc gia đình, nên không có đóng góp gì vào việc chuyển nhượng hai thửa đất này, nên việc bà A yêu cầu phân chia hai thửa đất này thành 04 phần bằng nhau là không có căn cứ.

[2.2] Đối với thửa đất 821, có diện tích 5.490m^2, thuộc tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp V, xã Q, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 188513 do UBND huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông NLQ 1 và bà A ngày 27/6/2007, đối với thửa đất này bà A yêu cầu phân chia cho bà được nhận ¼ diện tích, tức là 1.372m^2. Xét thấy, nguồn gốc phần đất này là của ông S là cha ruột của bà A cho bà A, thể hiện qua đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/5/2007 thì bà A khai tên người sử dụng đất là bà và ông NLQ 1 sử dụng, về nguồn gốc sử dụng đất: Đất gốc cha mẹ cho tặng, tại biên bản xác minh ranh giới, mốc giới, nguồn gốc thửa đất ngày 10/5/2007 của cán bộ xã Vĩnh Quới có ghi: " *Trước năm 1975 ông S canh tác, sau năm 1975 ông S canh tác cho đến nay, nay ông S già yếu không còn khả năng canh tác nên mới cho con gái là A với diện tích 5.490m*^{2}". Tuy nhiên, khi đi đăng ký quyền sử dụng đất, bà A đã đồng ý tự mình xác định phần đất này là tài sản chung của bà với ông NLQ 1 theo quy định tại Điều 33, Điều 34 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cho nên đây là tài sản của bà A với ông NLQ 1, nên việc bà A yêu cầu chia phần đất này thành ¼ trong đó có hai con của bà là không có căn cứ.

[2.3] Đối với yêu cầu nhận giá trị nhà và đất tại thửa 640, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng với số tiền 75.000.000 đồng của bà A. Nhận thấy, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 862521 ngày 06/3/2008 cũng như lời thừa nhận của bà A thì phần đất này có nguồn gốc là của vợ chồng bà nhận chuyển nhượng từ ông Y năm 2007. Cũng như nhận định nêu trên thì tại thời điểm này NLQ2 và NLQ3 còn nhỏ (chưa đủ 15 tuổi) nên không có công sức đóng góp để tạo nên tài sản này. Hơn nữa, trước đây vụ án trước bà NLQ 4 và bà A tranh chấp có phần căn nhà thì giá trị còn lại đã là 586.951.062 đồng (chưa tính giá trị đất) nhưng

nay bà A cho rằng giá trị nhà và đất luôn là 300.000.000 đồng là không có căn cứ. Vì vậy, căn cứ Điều 212 Bộ luật dân sự không chấp nhận yêu cầu này của bà A.

[3] Tuy nhiên, tại Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án Dân sự tại Điểm c, khoản 1 Điều 24 có quy định "*... Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình thì Chấp hành viên xác định phần sở hữu, sử dụng theo số lượng thành viên của hộ gia đình tại thời điểm xác lập quyền sở hữu tài sản, thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất. Chấp hành viên thông báo kết quả xác định phần sở hữu, sử dụng cho các thành viên trong hộ gia đình biết; Trường hợp vợ hoặc chồng hoặc các thành viên hộ gia đình không đồng ý với việc xác định của Chấp hành viên thì có quyền yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ. Hết thời hạn này mà không có người khởi kiện thì Chấp hành viên tiến hành kê biên, xử lý tài sản và trả lại cho vợ hoặc chồng hoặc các thành viên hộ gia đình giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của họ*". Tuy nhiên, về thủ tục này cơ quan thi hành án chưa thực hiện, nên không thể xác định được những thành viên trong hộ có đồng ý hay không đồng ý về việc xác định tài sản cho bà A trong khối tài sản chung để Thi hành án. Do vậy yêu cầu của bà A về việc yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung để thi hành án là chưa đủ điều kiện để yêu cầu hoặc khởi kiện tại Tòa án. Nhưng xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu này của bà A như đã phân tích trên là có căn cứ, nên cũng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong hộ gia đình bà A. Do đó, không cần thiết phải hủy án sơ thẩm, nhưng nêu ra để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm. Nếu trong quá trình tổ chức Thi hành án, mà các bên có phát sinh tranh chấp có liên quan đến các tài sản này thì các bên có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà A là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về lệ phí việc dân sự phúc thẩm: Bà A phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007202, ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, khoản 3 Điều 375 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà A. Giữ nguyên Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2019/QĐST-VDS, ngày 05/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, phần quyết định như sau:

- Căn cứ khoản 9 Điều 27; điểm a, khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39 và Điều 149; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 212 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 34 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Không chấp nhận yêu cầu phân chia ¼ (tức 1.372 m^2) diện tích đất thửa 821; không chấp nhận yêu cầu phân chia ¼ (tức 1.372 m^2) diện tích đất thửa 320; cùng tờ bản đồ số 7, cùng tọa lạc ấp V, xã Q, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng của bà A và không chấp nhận yêu cầu phân chia ¼ (tức 75.000.000 đồng) giá trị đất và nhà trên thửa đất 640 tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp V, xã Q, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng của bà A.

2/ Về lệ phí sơ thẩm: Bà A phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà A đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001535 ngày 10/8/2018 Chi cục thi hành án thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy xem như bà A đã nộp xong lệ phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hánh án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí việc dân sự phúc thẩm: Bà A phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007202, ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà A đã thực hiện xong.

4./ Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND TX N;
- Chi cục THADS TX N;
- Các đương sự;
- Lưu HS (TDS).

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Thái Rết